

**BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34/2008/QĐ-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Chương trình khung trình độ trung cấp nghề,
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề
“Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm Y tế”**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

*Căn cứ Luật dạy nghề ngày 29 tháng
11 năm 2006;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng
Tổng cục Dạy nghề,*

*Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP
ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2007/QĐ-
BLĐTBXH ngày 04/01/2007 của Bộ
trưởng Bộ Lao động - Thương binh và
Xã hội ban hành Quy định về Chương
trình khung trình độ trung cấp nghề,
Chương trình khung trình độ cao đẳng
nghề;*

*Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định
về việc ban hành Chương trình khung
trình độ trung cấp nghề, Chương trình
khung trình độ cao đẳng nghề “Kỹ thuật
thiết bị xét nghiệm Y tế”;*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết
định này Bộ chương trình khung trình
độ trung cấp nghề, chương trình khung
trình độ cao đẳng nghề cho nghề: “Kỹ
thuật thiết bị xét nghiệm Y tế”.

Trên cơ sở Bộ chương trình khung nói
trên, Hiệu trưởng các trường cao đẳng
nghề, trường trung cấp nghề, trường
trung cấp chuyên nghiệp, trường cao
đẳng, trường đại học có đăng ký hoạt
động dạy nghề trình độ trung cấp, trình
độ cao đẳng xác định, tổ chức thẩm định
và duyệt chương trình dạy nghề áp dụng
cho trường mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường

đại học có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng cho nghề “Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm Y tế” và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ*(ban hành kèm theo Quyết định số 34/2008/QĐ-BLĐTBXH**ngày 10 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Tên nghề: Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm Y tế

Mã nghề:

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: - Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

- Tốt nghiệp Trung học cơ sở và tương đương, có bổ sung văn hóa Trung học phổ thông theo Quyết định của Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành.

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 32

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp trung cấp nghề.

1. Mục tiêu đào tạo:**1.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

+ Trình bày được chức năng, cấu tạo cơ bản của thiết bị xét nghiệm y tế.

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động của thiết bị xét nghiệm y tế.

+ Viết được quy trình vận hành các thiết bị xét nghiệm y tế.

+ Lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa nhỏ thiết bị xét nghiệm y tế.

+ Đề xuất các giải pháp về công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

- Về kỹ năng:

+ Lắp đặt thiết bị xét nghiệm y tế đúng kỹ thuật.

+ Vận hành thiết bị xét nghiệm y tế đúng quy trình.

+ Thực hiện được các công việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị xét nghiệm y tế.

+ Theo dõi và giám sát quá trình sửa chữa thiết bị xét nghiệm y tế của các kỹ thuật viên, chuyên gia kỹ thuật.

+ Phát hiện được các sự cố và sửa chữa được các hư hỏng thông thường của các thiết bị xét nghiệm y tế.

+ Lập sổ lý lịch máy và ghi chép theo dõi tình trạng hoạt động của thiết bị xét nghiệm y tế.

1.2. Chính trị đạo đức - Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Tiếp thu được truyền thống dân tộc, hiểu biết đường lối chính sách của Nhà nước; sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, hiểu biết về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân; trung thành với Tổ quốc.

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật trong lao động, có vốn hiểu biết xã hội, có kỹ năng sống để sống tự lập, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Đủ sức khỏe để đảm đương các công việc trong môi trường làm việc theo quy định, có hiểu biết về phương pháp rèn luyện sức khỏe.

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

2. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

2.1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian thực học tối thiểu: 2655 h

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi: 280 h

- Trong đó thực tập tốt nghiệp: 200 h

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi: 200h; trong đó thi tốt nghiệp: 120h

2.2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210h

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2625h

+ Thời gian học bắt buộc: 2180h;

+ Thời gian học tự chọn: 445h

+ Thời gian học lý thuyết: 614h;

+ Thời gian học thực hành: 2011h.

3. Danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc, thời gian và phân bổ thời gian; đề cương chi tiết chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc

3.1. Danh mục môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học/ mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
I	Các môn học chung					
MH01	Chính trị 1	1	1	30	30	0
MH02	Pháp luật	1	1	15	15	0

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học/ mô đun (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
MH03	Giáo dục thể chất	1	1	30	0	30
MH04	Giáo dục quốc phòng	1	1	45	15	30
MH05	Tin học	1	1	30	0	30
MH06	Ngoại ngữ	1	1	60	30	30
II	Các môn học/mô đun nghề bắt buộc					
II.1	Các môn học/mô đun kỹ thuật cơ sở					
MH07	Kỹ thuật điện	1	2	90	60	30
MH08	Kỹ thuật xung	2	3	75	58	17
MH09	Linh kiện điện tử	1	2	75	36	39
MH10	Kỹ thuật mạch điện tử	1	2	90	48	42
MH11	Kỹ thuật số	1	2	90	37	53
MH12	Hình họa - vẽ kỹ thuật	1	2	75	57	18
MH13	Kỹ thuật đo lường	2	3	90	46	44
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn					
MH14	An toàn lao động	2	3	45	32	13
MH15	Quản lý trang thiết bị y tế	2	3	45	45	0
MĐ16	Máy xét nghiệm sinh hóa	2	3	90	30	60
MĐ17	Máy xét nghiệm miễn dịch	2	3	135	30	105
MĐ18	Máy xét nghiệm điện giải - Khí máu	2	4	90	15	75
MĐ19	Máy xét nghiệm huyết học	2	4	90	15	75
MĐ20	Kính hiển vi	2	4	90	15	75
	Thực tập tại cơ sở	2	4	400	0	400